



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Tổng Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 26 tháng 7 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0600019436 ngày 26 tháng 7 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Duy Hạnh	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Thành viên
	Ông Ngô Quốc Nam	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
	Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Ngô Quốc Nam	Tổng Giám đốc
	Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Cường Lân	Giám đốc Điều hành
	Ông Nguyễn Văn Miêng	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký
43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Nam Định, 31-03-2015

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72-Storey Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 31-03-2015, được trình bày từ trang 5 đến 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-298-f



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		469.599.891.423	422.800.844.150
Tiền	110	4	16.810.592.536	4.495.745.454
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.300.000.000	140.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5	140.300.000.000	140.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	174.635.787.405	152.137.320.058
Phải thu khách hàng	131		130.937.259.597	115.188.395.525
Trả trước cho người bán	132		11.098.809.440	12.153.684.394
Phải thu khác	135		35.531.606.181	26.924.603.307
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.931.887.813)	(2.129.363.168)
Hàng tồn kho	140	7	134.217.458.877	118.740.788.867
Hàng tồn kho	141		141.659.975.098	122.353.119.141
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.442.516.221)	(3.612.330.274)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.636.052.605	7.126.989.771
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.028.888	6.775.042.001
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		3.124.577.671	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		465.446.046	351.947.770
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		296.395.675.562	308.476.979.052
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	3.930.000.000	12.410.000.000
Phải thu khách hàng	211		3.930.000.000	12.410.000.000
Tài sản cố định	220		189.584.297.906	198.615.758.925
Tài sản cố định hữu hình	221	8	100.510.711.009	112.384.398.025
Nguyên giá	222		524.324.562.933	523.765.971.272
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(423.813.851.924)	(411.381.573.247)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		68.000.000	68.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.000.000)	(68.000.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	89.073.586.897	86.231.360.900
Bất động sản đầu tư	240	10	4.962.638.197	5.117.425.572
Nguyên giá	241		7.534.544.951	7.534.544.951
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.571.906.754)	(2.417.119.379)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	95.658.246.398	88.770.906.870
Đầu tư vào các công ty con	251		69.641.629.633	69.641.629.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		25.352.674.793	17.352.674.793
Đầu tư dài hạn khác	258		1.776.602.444	1.776.602.444
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.112.660.472)	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.260.493.061	3.562.887.685
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.260.493.061	3.562.887.685
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		765.995.566.985	731.277.823.202

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		605.736.693.165	562.085.731.487
Nợ ngắn hạn	310		463.270.953.721	375.726.478.709
Vay ngắn hạn	311	13	274.206.600.933	175.473.763.211
Phải trả người bán	312	14	96.819.563.919	123.512.716.907
Người mua trả tiền trước	313		115.913.913	489.822.255
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	1.062.975.447	884.697.370
Phải trả người lao động	315		17.426.589.628	10.368.011.251
Chi phí phải trả	316	16	4.179.410.445	4.535.407.482
Phải trả khác	319	17	67.932.895.510	60.106.571.124
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.527.003.926	355.489.109
Nợ dài hạn	330		142.465.739.444	186.359.252.778
Phải trả người bán	331	14	-	13.538.085.334
Vay dài hạn	334	18	142.465.739.444	172.821.167.444
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		160.258.873.820	169.192.091.715
Vốn chủ sở hữu	410	19	160.258.873.820	169.192.091.715
Vốn cổ phần	411	20	136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	21	10.193.875.041	8.128.976.353
Quỹ dự phòng tài chính	418	21	4.247.316.720	3.160.527.938
Lợi nhuận chưa phân phối	420	19	9.817.682.059	21.902.587.424
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		765.995.566.985	731.277.823.202

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ - USD	33.567	17.134
Ngoại tệ - EUR	-	514

31 -03- 2015

Người lập:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	23	648.502.412.798	721.647.231.706
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.236.475.527	335.436.805
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	23	647.265.937.271	721.311.794.901
Giá vốn hàng bán	11	24	622.405.929.178	669.524.715.288
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		24.860.008.093	51.787.079.613
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	25.131.622.472	18.561.180.015
Chi phí tài chính	22	26	28.986.005.773	19.337.654.565
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		25.665.646.080	18.133.412.664
Chi phí bán hàng	24		11.917.508.539	13.481.488.148
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.024.218.456	10.636.032.931
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(10.936.102.203)	26.893.083.984
Thu nhập khác	31	27	31.176.064.885	861.370.653
Chi phí khác	32	28	9.263.327.443	212.048.844
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		21.912.737.442	649.321.809
Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40)	50		10.976.635.239	27.542.405.793
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.731.444.317	5.806.630.150
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		9.245.190.922	21.735.775.643

31 -03- 2015

Người lập:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.976.635.239	27.542.405.793
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		15.175.410.720	13.805.624.244
Các khoản dự phòng	03		5.745.371.064	3.116.461.431
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		287.019.743	191.542.370
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(45.190.367.536)	(17.605.110.362)
Chi phí lãi vay	06		25.665.646.080	18.133.412.664
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.659.715.310	45.184.336.140
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(6.010.088.732)	(5.894.773.457)
Biến động hàng tồn kho	10		(19.306.855.957)	(21.734.659.398)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(25.590.088.176)	34.479.462.201
Biến động chi phí trả trước	12		1.337.838.624	3.620.063.733
			(36.909.478.931)	55.654.429.219
Tiền lãi vay đã trả	13		(25.596.000.166)	(18.508.432.735)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(5.577.589.463)	(7.330.347.217)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	9.200.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(686.894.000)	(724.341.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68.769.962.560)	29.100.507.762
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(15.043.970.198)	(43.286.291.223)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		30.776.175.052	184.500.001
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(140.300.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi và cổ tức	27		21.168.253.270	14.499.534.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		28.900.458.124	(168.902.256.393)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		542.350.915.444	609.069.613.032
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(474.138.344.518)	(458.901.860.437)
Tiền trả cổ tức	36		(16.024.872.000)	(9.520.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.187.698.926	140.647.752.595
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		12.318.194.490	846.003.964
Tiền đầu năm	60		4.495.745.454	3.649.684.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		(3.347.408)	56.880
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	16.810.592.536	4.495.745.454

31 -03- 2015

Người lập:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất, gia công và kinh doanh: sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chần, khăn cotton, quần áo may sẵn, giấy và các sản phẩm liên quan đến bia các tông;
- Kinh doanh vật tư, hóa chất, thuốc nhuộm, linh kiện điện tử viễn thông và phụ tùng dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, siêu thị, cho thuê văn phòng, nhà ở và các công trình phục vụ mục đích kinh doanh;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông vận tải, thủy lợi và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng, lắp đặt thiết bị phục vụ các công trình xây dựng;
- Khai thác nước sạch phục vụ sản xuất và tiêu dùng công nghiệp;
- Xử lý nước thải và ô nhiễm môi trường;
- Đại lý vận tải, cung cấp dịch vụ kho bãi, cung cấp dịch vụ bốc dỡ hàng hóa và dịch vụ trông xe;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, du lịch lữ hành nội địa và các dịch vụ du lịch khác;
- Đào tạo nghề ngắn hạn (dưới 1 năm);
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông; và
- Kinh doanh hoạt động văn hóa thể thao: sân vận động, bể bơi, nhà thi đấu thể thao, nhà biểu diễn văn nghệ và các hoạt động thể thao và giải trí khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty có 1.385 nhân viên (31/12/2013: 1.507 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	50 năm
-----------	--------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tổng Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo (a);
- Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo (b);
- Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh (c);
- Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt của đơn vị lập báo cáo hay của công ty mẹ của đơn vị lập báo cáo (d);
- Bên đó là một thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào (e) đã được nêu ở đoạn (a) hay (d); hoặc
- Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (d) hoặc (e).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

4. Tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	787.855.720	553.561.120
Tiền gửi ngân hàng	16.022.736.816	3.942.184.334
	16.810.592.536	4.495.745.454

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn với lãi suất 6,5% (2013: 6,5%) một năm tại một ngân hàng.

6. Các khoản phải thu

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ các bên liên quan		
Thương mại - ngắn hạn	104.102.509.751	84.814.480.840
Thương mại - dài hạn	3.930.000.000	12.410.000.000
Phi thương mại - ngắn hạn:		
▪ Các khoản vay cấp cho công ty con (*)	14.255.000.000	5.880.000.000
▪ Phải thu từ chuyển nhượng tài sản cho công ty con (**)	9.939.000.000	-
▪ Phải thu khác (***)	9.581.068.616	18.134.519.807

Các khoản phải thu thương mại - ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 10 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và chịu lãi trả chậm tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) tại cùng thời điểm.

Các khoản phải thu thương mại - dài hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo, có thời hạn hoàn trả từ 2 đến 3 năm kể từ ngày ghi trên hóa đơn và chịu lãi suất trả chậm tương đương với lãi suất cho vay trung hạn của Vietinbank tại cùng thời điểm.

Các khoản phải thu phi thương mại - ngắn hạn từ các bên liên quan gồm:

- (*) Các khoản vay cấp cho công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Vietinbank tại thời điểm cho vay.
- (**) Khoản phải thu từ chuyển nhượng tài sản cho công ty con không được đảm bảo và chịu lãi suất tương đương với lãi suất cho vay trung hạn của Vietinbank tại thời điểm chuyển nhượng.
- (***) Các khoản phải thu phi thương mại khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Phải thu ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Cổ tức	3.950.291.700	4.631.991.700
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	-	12.375.098.808
Phải thu tiền lãi	4.000.137.243	1.127.429.299
Các khoản vay cấp cho công ty con	14.255.000.000	5.880.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng tài sản cho công ty con	9.939.000.000	-
Phải thu khác	3.387.177.238	2.910.083.500
	35.531.606.181	26.924.603.307

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	22.855.472.071
Nguyên vật liệu	37.193.359.543	18.542.625.366
Công cụ và dụng cụ	102.088.143	110.956.450
Sản phẩm dở dang	15.155.241.236	35.299.862.107
Thành phẩm	55.623.755.524	20.846.200.924
Hàng hóa	33.527.296.987	24.479.780.105
Hàng gửi đi bán	58.233.665	218.222.118
	141.659.975.098	122.353.119.141
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.442.516.221)	(3.612.330.274)
	134.217.458.877	118.740.788.867

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.612.330.274	1.070.776.055
Tăng dự phòng trong năm	3.830.185.947	3.612.330.274
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.070.776.055)
	7.442.516.221	3.612.330.274

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 37.214 triệu VND hàng thành phẩm (31/12/2013: 17.681 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	71.702.419.919	1.212.787.547	446.085.054.626	4.765.709.180	523.765.971.272
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	3.446.609.089	-	3.446.609.089
Thanh lý	(167.543.200)	-	(1.000.860.020)	-	(1.168.403.220)
Xoá số	(1.671.343.720)	-	-	-	(1.671.343.720)
Phân loại lại	105.415.715	-	(105.415.715)	-	-
Biến động khác	-	-	(48.270.488)	-	(48.270.488)
Số dư cuối năm	69.968.948.714	1.212.787.547	448.377.117.492	4.765.709.180	524.324.562.933
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	55.693.400.687	1.104.121.652	350.918.763.505	3.665.287.403	411.381.573.247
Khấu hao trong năm	1.454.716.094	26.391.636	13.305.688.248	233.827.367	15.020.623.345
Thanh lý	(167.543.200)	-	(815.860.020)	-	(983.403.220)
Xoá số	(1.556.670.960)	-	-	-	(1.556.670.960)
Biến động khác	-	-	(48.270.488)	-	(48.270.488)
Số dư cuối năm	55.423.902.621	1.130.513.288	363.360.321.245	3.899.114.770	423.813.851.924
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	16.009.019.232	108.665.895	95.166.291.121	1.100.421.777	112.384.398.025
Số dư cuối năm	14.545.046.093	82.274.259	85.016.796.247	866.594.410	100.510.711.009

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 294.946 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 248.909 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 73.603 triệu VND (31/12/2013: 62.146 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	86.231.360.900	61.294.481.503
Tăng trong năm	15.043.970.198	43.270.041.420
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.446.609.089)	(18.144.885.586)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(35.444.000)	(188.276.437)
Thanh lý	(8.645.395.970)	-
Biến động khác	(74.295.142)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	89.073.586.897	86.231.360.900

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xây dựng nhà máy Nhuộm và nhà máy Động Lực	50.325.869.201	20.052.110.206
Xây dựng nhà máy Xử lý nước thải	17.929.766.685	17.748.671.169
San nền và giải phóng mặt bằng ở		
Khu công nghiệp Hoà xá	18.329.264.068	40.595.656.176
Khác	2.488.686.943	7.834.923.349
	<hr/>	<hr/>
	89.073.586.897	86.231.360.900

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 181 triệu VND (2013: 273 triệu VND).

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.534.544.951
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.417.119.379
Khấu hao trong năm	154.787.375
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.571.906.754
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.117.425.572
Số dư cuối năm	4.962.638.197

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2014		31/12/2013	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết
Đầu tư vốn dài hạn tại:				
▪ Công ty con				Số tiền đã đầu tư VND
• Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	52,52%	2.876.479.633
• Công ty CP Chi khâu Dệt May Nam Định	51,67%	51,67%	51,67%	1.085.000.000
• Công ty CP Chân len Dệt May Nam Định	87,61%	87,61%	87,61%	10.513.260.000
• Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp Dệt May Nam Định	82,00%	82,00%	82,00%	4.099.890.000
• Công ty CP Dệt khần Dệt May Nam Định	86,34%	86,34%	86,34%	4.317.000.000
• Công ty CP May III Dệt May Nam Định	80,57%	80,57%	80,57%	8.057.000.000
• Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	53,46%	2.673.000.000
• Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định	90,88%	90,88%	90,88%	27.264.000.000
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định	78,65%	78,65%	78,65%	4.326.000.000
• Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	86,88%	86,88%	86,88%	4.430.000.000
				<hr/>
▪ Công liên kết				69.641.629.633
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	41,82%	41,82%	41,82%	2.352.674.793
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (*)	36,92%	36,92%	30%	23.000.000.000
				<hr/>
Các khoản đầu tư dài hạn khác				17.352.674.793
• Công ty CP Bông Miền Bắc				428.047.444
• Ngân hàng TMCP Công thương				1.348.555.000
				<hr/>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				1.776.602.444
				<hr/>
				(1.112.660.472)
				<hr/>
				95.658.246.398
				<hr/>
				88.770.906.870
				<hr/>

(*) Trong năm, Tổng công ty đã đầu tư thêm 8.000 triệu VND vào Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	3.562.887.685
Tăng trong năm	2.158.541.359
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	35.444.000
Phân bổ trong năm	(3.496.379.983)
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.260.493.061

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	243.851.172.933	153.385.402.741
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	30.355.428.000	22.088.360.470
	<hr/>	<hr/>
	274.206.600.933	175.473.763.211

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngân hàng 1	VND	6,5% - 12%	16.057.759.316	22.507.340.253
Vay ngân hàng 2	USD	3% - 4%	64.358.388.724	44.020.609.907
Vay ngân hàng 3	VND	8% - 12%	22.340.612.568	-
Vay ngân hàng 4	USD	3% - 4%	24.869.679.517	-
Vay ngân hàng 5	USD	3% - 4%	6.835.008.168	-
Các bên liên quan	VND	7,5% - 11%	94.902.244.095	73.513.186.898
Các cá nhân	VND	6% - 7%	14.487.480.545	13.344.265.683
			<hr/>	<hr/>
			243.851.172.933	153.385.402.741

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 41.980 triệu VND (31/12/2013: 43.464 triệu VND).

Khoản vay từ các bên liên quan và các cá nhân không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Phải trả người bán

Phải trả người bán - ngắn hạn gồm các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả các bên liên quan	44.247.449.319	47.553.952.815

Các khoản phải trả thương mại - ngắn hạn đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.030.234.629	7.969.951
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	721.567.475
Thuế thu nhập cá nhân	21.031.955	64.822.791
Các loại thuế khác	11.708.863	90.337.153
	1.062.975.447	884.697.370

16. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí lãi vay	510.479.603	440.833.689
Phí giải phóng mặt bằng (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí khác	668.930.842	1.094.573.793
	4.179.410.445	4.535.407.482

(*) Phí giải phóng mặt bằng phản ánh số tiền còn lại phải trả cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Nam Định liên quan đến diện tích đất thuê cho nhà máy mới của Tổng Công ty tại Khu công nghiệp Hòa Xá.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Phải trả khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	5.039.104.455	4.334.807.598
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	54.477.154.476	46.477.154.476
Doanh thu chưa thực hiện	5.311.061.845	6.495.837.281
Cổ tức phải trả	1.051.270.500	756.142.500
Các khoản phải trả khác	2.054.304.234	2.042.629.269
	67.932.895.510	60.106.571.124

18. Vay dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn	172.821.167.444	194.909.527.914
Hoàn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 13)	(30.355.428.000)	(22.088.360.470)
	142.465.739.444	172.821.167.444

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay từ ngân hàng 1	EUR	0%	2014	-	5.732.932.470
Vay từ ngân hàng 2	VND	0%	2016	8.400.000.000	12.600.000.000
Vay từ ngân hàng 3	VND	0%	2016	20.640.000.000	30.960.000.000
Vay từ ngân hàng 4	VND	3,6%	2016	3.778.860.000	5.614.288.000
Vay từ ngân hàng 5	VND	7,7%	2025	140.000.000.000	140.000.000.000
Khoản vay khác	VND	0%		2.307.444	2.307.444
				172.821.167.444	194.909.527.914

Các khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bởi một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 31.623 triệu VND (31/12/2013: 18.682 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	136.000.000.000	6.239.628.211	2.497.598.765	13.309.719.710	158.046.946.686
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.735.775.643	21.735.775.643
Phân bổ vào các quỹ	-	1.889.348.142	662.929.173	(2.552.277.315)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(1.070.630.614)	(1.070.630.614)
Cổ tức	-	-	-	(9.520.000.000)	(9.520.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	136.000.000.000	8.128.976.353	3.160.527.938	21.902.587.424	169.192.091.715
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	9.245.190.922	9.245.190.922
Phân bổ vào các quỹ	-	2.064.898.688	1.086.788.782	(3.151.687.470)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(1.858.408.817)	(1.858.408.817)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(16.320.000.000)	(16.320.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	136.000.000.000	10.193.875.041	4.247.316.720	9.817.682.059	160.258.873.820

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

21. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, hàng năm Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

22. Cổ tức

Ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 16.320 triệu VND cho các cổ đông.

23. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014	2013
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	553.739.474.075	668.184.005.083
▪ Cung cấp dịch vụ	26.497.568.940	22.606.669.779
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.184.775.436	735.377.806
▪ Dịch vụ gia công	67.080.594.347	30.121.179.038
	648.502.412.798	721.647.231.706
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(1.210.680.527)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(25.795.000)	(335.436.805)
Doanh thu thuần	647.265.937.271	721.311.794.901

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

24. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Thành phẩm đã bán	566.320.176.061	631.052.725.777
Dịch vụ đã cung ứng	19.860.722.813	22.790.228.931
Dịch vụ gia công	31.659.463.669	12.404.828.555
Bất động sản đầu tư cho thuê	735.380.688	735.377.806
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.830.185.947	2.541.554.219
	<hr/> 622.405.929.178	<hr/> 669.524.715.288

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	19.225.976.514	12.715.906.753
Cổ tức	4.133.284.700	4.764.702.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.772.361.258	1.080.570.762
	<hr/> 25.131.622.472	<hr/> 18.561.180.015

26. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	25.665.646.080	18.133.412.664
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.112.660.472	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.920.679.478	1.012.699.531
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	287.019.743	191.542.370
	<hr/> 28.986.005.773	<hr/> 19.337.654.565

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

27. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Tiền thu từ thanh lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang và tài sản cố định hữu hình	30.776.175.052	184.500.001
Tiền bồi thường nhận được	191.961.831	588.867.884
Các khoản thu nhập khác	207.928.002	88.002.768
	31.176.064.885	861.370.653

28. Chi phí khác

	2014 VND	2013 VND
Giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	8.645.395.970	59.998.892
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý và xóa sổ	299.672.760	-
Các chi phí khác	318.258.713	152.049.952
	9.263.327.443	212.048.844

29. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	1.731.444.317	5.806.630.150

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập trước thuế	10.976.635.239	27.542.405.793
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.414.859.753	6.885.601.448
Chi phí không được khấu trừ thuế	225.907.198	112.204.327
Thu nhập không bị tính thuế	(909.322.634)	(1.191.175.625)
	1.731.444.317	5.806.630.150

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 (2013:25%).

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tổng Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tổng Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	16.022.736.816	3.942.184.334
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(i)	140.300.000.000	140.300.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	167.466.977.965	152.393.635.664
		323.789.714.781	296.635.819.998

(i) Tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tổng Công ty.

(ii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tổng Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu khách hàng đáo hạn trong vòng từ 7 đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn sẽ được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.129.363.168	1.554.455.956
Tăng dự phòng trong năm	802.524.645	2.129.363.168
Hoàn nhập trong năm	-	(1.554.455.956)
Số dư cuối năm	2.931.887.813	2.129.363.168

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tổng Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chưa quá hạn	60.547.646.399	65.387.732.173
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	48.206.048.632	31.619.705.685
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	55.645.229.828	50.720.470.234
Quá hạn trên 180 ngày	5.999.940.919	6.795.090.740
	170.398.865.778	154.522.998.832

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tổng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Phải trả người bán và phải trả khác	158.582	158.582	145.524	13.058	-	-
Vay ngắn hạn	243.851	251.051	251.051	-	-	-
Vay dài hạn	172.821	224.531	39.841	39.115	61.843	83.732
	575.254	634.164	436.416	52.173	61.843	83.732
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Phải trả người bán và phải trả khác	190.862	190.862	177.324	13.538	-	-
Vay ngắn hạn	153.385	159.251	159.251	-	-	-
Vay dài hạn	194.910	208.695	33.693	68.853	42.718	63.431
	539.157	558.808	370.268	82.391	42.718	63.431

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam (“VND”), đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”) và Euro (“EUR”).

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD	EUR
Tiền	33.567	17.134	514
Phải thu khách hàng	568.866	1.131.776	-
Phải trả người bán	(775.283)	(3.384.816)	-
Vay ngắn hạn	(4.521.466)	(2.092.632)	-
Vay dài hạn	-	-	(199.860)
	(4.694.316)	(4.328.538)	(199.346)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
USD/VND	21.246	21.036
EUR/VND	Không áp dụng	28.685

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
USD (mạnh thêm 1% so với VND)	(777.936.414)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(1.365.826.881)
EUR (mạnh thêm 2% so với VND)	(85.773.600)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tổng Công ty.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	16.022.736.816	3.942.184.334
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.300.000.000	140.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	24.194.000.000	5.880.000.000
Vay ngắn hạn và dài hạn	(276.672.340.377)	(208.294.930.655)
Phải trả người bán	(13.057.852.207)	(13.538.085.334)
	(109.213.455.768)	(71.710.831.655)
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Vay dài hạn	(140.000.000.000)	(140.000.000.000)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1.092 triệu VND lợi nhuận thuần của Tổng Công ty (2013: 1.050 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền	16.811	16.811	4.496	4.496
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	140.300	140.300	140.300	140.300
- Phải thu khách hàng và phải thu khác – ngắn hạn	163.537	163.537	139.984	139.984
- Phải thu dài hạn khác	3.930	(*)	12.410	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	96.771	(*)	88.771	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác – ngắn hạn	(145.524)	(150.835)	(177.324)	(177.324)
- Các khoản vay	(416.672)	(*)	(348.295)	(*)
- Phải trả người bán và phải trả khác – dài hạn	(13.058)	(*)	(13.538)	(*)
	(153.905)		(153.196)	

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh

Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Công ty mẹ - Công ty TNHH Một thành viên		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Tiền thu từ thanh lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30.575.311.415	-
Bán dịch vụ	134.219.304	-
Mua hàng hóa	100.000.000	-
Chi phí lãi vay	381.798.334	-
Công ty con		
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa	915.111.387	-
Mua hàng hóa	6.519.471.509	6.568.443.380
Công ty CP Chỉ khâu Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	1.355.877.763	1.804.872.774
Công ty CP Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	12.486.247.126	8.339.699.056
Mua hàng hóa	1.754.186.500	2.347.259.127
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tổng hợp Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	696.333.120	2.575.584.546
Mua hàng hóa	1.735.598.000	1.299.098.000
Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	20.840.389.084	31.279.794.291
Mua hàng hóa	1.971.821.773	40.424.789.756
Công ty CP Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	89.617.443.373	123.583.751.393
Mua hàng hóa	63.449.168.754	67.394.575.519
Thu nhập lãi vay	7.551.053.583	-
Công ty CP Sợi Thanh Châu		
Bán hàng hóa	37.354.113.835	24.265.882.178
Mua hàng hóa	41.278.697.486	24.376.449.067
Công ty CP May V Dệt May Nam Định		
Mua hàng hóa	2.826.914.800	19.007.330.935
Thu nhập lãi vay	618.417.190	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Các công ty liên quan		
Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Bán hàng hóa	11.292.149.690	24.250.240.964
Mua hàng hóa	33.618.174.460	58.691.445.874
Chi phí lãi vay	4.915.683.583	5.822.809.055
Công ty CP Bông miền Bắc		
Mua hàng hóa	-	3.500.441.270
Công ty Tài chính CP Dệt May Việt Nam		
Vay ngắn hạn	120.121.247.262	14.748.000.000
Chi phí lãi vay	4.882.140.335	5.307.561.535
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Góp vốn	8.000.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Vinatex		
Mua hàng hóa	-	5.254.589.537
Công ty TNHH Dệt 8/3 Hà Nội		
Mua hàng hóa	-	163.545.809

32. Cam kết vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	280.100.000.000	203.478.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	4.407.000.000
	<u>280.100.000.000</u>	<u>207.885.000.000</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	467.747.208.941	487.961.495.553
Chi phí nhân công	78.315.954.090	81.712.716.199
Chi phí khấu hao	15.175.410.720	13.805.624.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.732.240.692	111.142.192.180
Chi phí khác	14.897.303.887	13.290.335.572

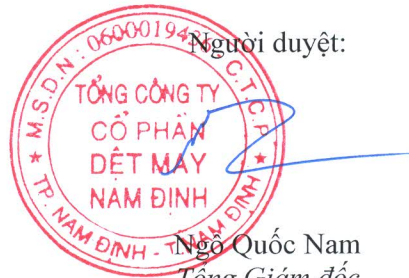
31 -03- 2015

Người lập:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Quốc Nam
Tổng Giám đốc